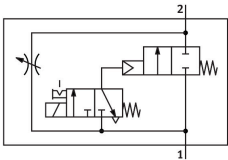


**Van khởi động mềm**  
**MS6N-DE-1/4-V230**  
Số bộ phận: 532047

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                         |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                            |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                          |
| Nút ghi đè                                                 | khớp<br>quét                                                    |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Đế pít tông                                                     |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                    |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                                |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                           |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                             |
| Chức năng van                                              | 2/2                                                             |
| Hiển thị vị trí chuyển mạch                                | với phụ kiện                                                    |
| Áp suất vận hành                                           | 4 bar...18 bar                                                  |
| giá trị b                                                  | 0.54                                                            |
| Giá trị C                                                  | 11.22 l/s*bar                                                   |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 2700 l/ph                                                       |
| Thời gian bật                                              | 100%                                                            |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 230 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 3,0 VA, nguồn giữ 2,4 VA    |
| Giấy phép                                                  | c UL - Recognized (OL)                                          |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ                 |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)   |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                          |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                               |
| Phù hợp với thực phẩm                                      | xem thông tin tài liệu bổ sung                                  |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                  |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                  |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 680 g                                                           |
| Cổng nối điện                                              | Dạng C<br>Phích cắm<br>theo DIN EN 175301-803<br>thiết kế vuông |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu                               | với phụ kiện                                                    |

| Đặc tính           | Giá trị                                     |
|--------------------|---------------------------------------------|
| Kiểu gắn           | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén 1 | 1/4 NPT                                     |
| Cổng nối khí nén 2 | 1/4 NPT                                     |
| Ghi chú vật liệu   | Tuân thủ RoHS                               |
| Vật liệu của phốt  | NBR                                         |
| Vật liệu vỏ        | Nhôm đúc áp lực                             |